

NỢ XẤU HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP

Đoàn Phương Thảo*, Tạ Nhật Linh**

Ngày nhận: 9/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 10/9/2014

Ngày duyệt đăng: 22/9/2014

Tóm tắt:

Nợ xấu luôn là vấn đề nghiêm trọng đe dọa sự phát triển bền vững của hệ thống tài chính và nền kinh tế của mọi quốc gia. Ở Việt Nam hiện nay, nợ xấu cũng được các chuyên gia ví như “cục máu đông” và mặc dù cả hệ thống chính trị đã vào cuộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và các ngân hàng thương mại đã hết sức cố gắng giải quyết song tình trạng nợ xấu vẫn ở mức cao. Kết thúc năm 2013, tỷ lệ nợ xấu được báo cáo là 3,79% và trong 6 tháng đầu năm 2014 nợ xấu đã tăng ở mức 4,03%. Có thể nói rằng đến nay chưa có giải pháp xử lý triệt để vấn đề nợ xấu. Trước thực trạng đó, bài viết tập trung phân tích tình hình nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết triệt để nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, nợ xấu, nợ quá hạn, tái cấu trúc ngân hàng thương mại.

1. Giới thiệu

Hệ thống ngân hàng ở Việt Nam đã có sự chuyển đổi căn bản và toàn diện trên cơ sở việc chuyển đổi từ mô hình một cấp sang hai cấp theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng (1988). Nhờ vậy, những năm 1990, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đã có nhiều thay đổi ở cả phương diện số lượng và chất lượng hoạt động. Cùng với những chuyển động của nền kinh tế, từ đầu năm 2000, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam tiếp tục cuộc “cách mạng” từ việc tăng vốn điều lệ, mở rộng mạng lưới chi nhánh, tăng cường quản trị điều hành, quản trị an toàn, sử dụng công nghệ tin học nhằm làm thay đổi chất lượng hoạt động ngân hàng,... Điều này đã hỗ trợ không nhỏ vào sự phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Tuy nhiên, mọi vấn đề đều có tính hai mặt, bên cạnh thành công còn cả hạn chế, tăng trưởng tín dụng với áp lực nợ xấu là minh chứng cụ thể. Sự tăng trưởng ấn tượng tín dụng bắt đầu từ những năm 2000 và đạt đỉnh điểm vào năm 2007. Tuy nhiên, sự tăng trưởng tín dụng quá mức là một dự báo rõ ràng cho một cuộc khủng hoảng tài chính (Schularick và Taylor, 2009). Sự bùng nổ của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, hệ lụy với những khó khăn kinh tế trong nước là những nguyên nhân tác

động tới tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại (Messai và Jouini, 2013). Tốc độ tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại không tăng nhanh như giai đoạn trước nhưng vẫn có tăng kể từ năm 2010 và đi kèm theo đó là nợ quá hạn, nợ xấu ở mức cao, ngày càng khó kiểm soát.

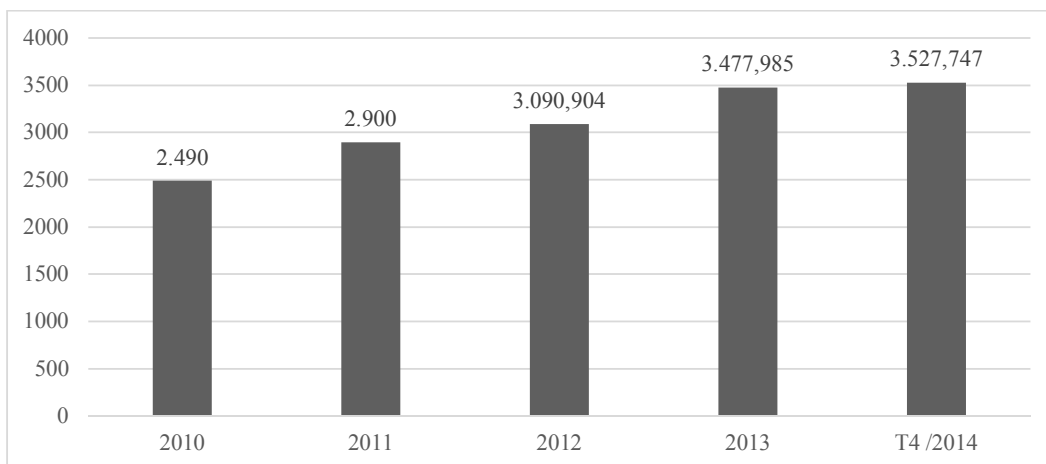
Chính phủ (2013) đã phê duyệt Đề án “Xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng” và Đề án “Thành lập công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam” với mục tiêu là giúp các ngân hàng thương mại có thể xử lý tình trạng nợ xấu đã đạt đến mức kỷ lục hiện nay và góp phần thực hiện thành công mục tiêu của “Đề án cơ cấu lại hệ thống các Tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015” theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (2012). Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn nhiều thách thức đặt ra trong quá trình xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Do đó, thực trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay và định hướng giải pháp xử lý nợ xấu có hiệu quả cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ là những vấn đề được trình bày trong bài viết này.

2. Bức tranh nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Trong những năm 2000 – 2010, khi chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khá

Hình 1: Dự nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Đơn vị: nghìn tỷ VND



Ghi chú: Số liệu đã được làm tròn

Nguồn: - Website Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - www.sbv.org.vn

“lông lẻo”, tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam tăng trưởng với tốc độ bình quân gần 30%/năm, thậm chí đạt tới mức trên 50% trong năm 2007 và nửa đầu năm 2008. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn do yếu tố khách quan mang lại từ khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, giai đoạn từ năm 2010 đến nay, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng tín dụng tuy mức độ có thấp hơn so với giai đoạn trước đó.

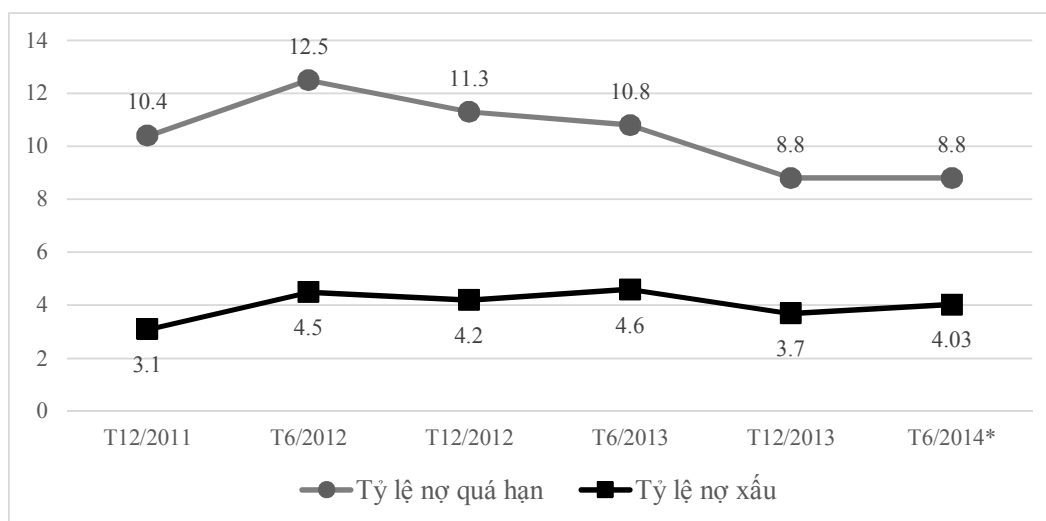
Cùng với sự tăng trưởng tín dụng, nợ xấu trở thành mối lo ngại của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Nợ xấu không chỉ với những khoản vay cũ, mà ngay cả những khoản vay mới giải ngân.

Bonin và Huang (2001) cho rằng đây là hai yếu tố cấu thành nợ xấu ở bất cứ hệ thống ngân hàng nào. Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn các ngân hàng thương mại Việt Nam được công bố chính thức có xu hướng giảm mạnh vào năm 2013 so với năm 2011 và 2012, từ 4,6% ở giữa năm 2013 xuống 3,7% cuối năm 2013 (Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, 2013). Tuy nhiên, khả năng giảm này không có kéo dài lâu khi tỷ lệ nợ xấu đang có xu hướng tăng ở mức khoảng 4% (ước tính của nhóm tác giả) trong nửa năm đầu của năm 2014.

So sánh số liệu nợ xấu từ nguồn chính thức của Việt Nam và từ thống kê, phân tích của các chuyên gia kinh tế nước ngoài và tổ chức tài chính quốc tế

Hình 2: Nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Đơn vị: %



Ghi chú: * tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu T6/2014 là số liệu ước tính của nhóm tác giả

Nguồn: - Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (2013, tr.25)

Bảng 1: Tỷ trọng nhóm nợ/Nợ quá hạn của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Đơn vị: %

Tỷ trọng nhóm nợ/Nợ quá hạn	T12/2011	T6/2012	T12/2012	T6/2013	12/2013	T6/2014*
Nhóm 2	70,2	64,0	62,5	57,2	58,7	59,0
Nhóm 3	6,9	12,6	8,3	10,3	7,5	6,9
Nhóm 4	7,1	7,1	10,7	7,8	6,7	6,8
Nhóm 5	15,8	16,3	18,4	24,7	27,1	27,3

Ghi chú: * số liệu ước tính của nhóm tác giả

Nguồn: - Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (2013, tr. 25)

cho thấy sự khác biệt rất lớn, thực tế nợ xấu còn cao hơn số liệu được báo cáo - ở mức cao hơn ít nhất là ba lần số liệu công bố (khoảng 13,6 - 14% tổng dư nợ) (Việt Thắng, 2012). Nợ xấu trở thành vấn đề đáng quan ngại và gây tranh cãi. Ví dụ: tổ chức Business Monitor đưa số liệu có nguồn từ Ngân hàng Nhà nước ước tính tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2012 là xấp xỉ 9% và cũng vẫn cho rằng số thực tế còn cao hơn; trả lời phỏng vấn BBC ngày 15/11/2013, ông Christian De Guzman, chuyên gia phân tích tại hãng xếp hạng tín dụng Moody's nói ông "không tự tin về độ chính xác của những con số này" (BBC Việt ngữ, 2013). Cần phải nói là từ trước đến nay, con số nợ xấu trong toàn hệ thống mà Moody's thống kê luôn cao hơn con số do các ngân hàng của Việt Nam đưa ra.

Trong bức tranh nợ xấu, nợ nhóm 2 luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các nhóm nợ. Tuy nhiên cơ cấu này có sự thay đổi đáng kể qua các năm. Trong suốt giai đoạn từ năm 2011 đến 2013, tỷ trọng nợ nhóm 5 luôn tăng. Tại thời điểm đầu năm 2011, tỷ trọng nợ nhóm 5 là 15,8%, ở ngưỡng 27,1% vào cuối năm 2013 và được dự đoán sẽ tăng tiếp tục vào năm 2014. Tỷ trọng nợ nhóm 2 sau khi giảm liên tục từ đầu năm 2012, đến tháng 6/2013 thì có sự tăng trở lại.

Phân tích tình hình nợ xấu của 14 ngân hàng thương mại trong Bảng 2 với trên 50% thị phần cho vay thì tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại trên tổng dư nợ vào thời điểm 30/12/2013 là 2,54%, cao hơn so với mức 2,37% cùng kỳ 2012. Còn nếu xét với số tuyệt đối, chiếm tới trên 39.252 tỷ VND, cho thấy mặc dù nợ xấu trong năm 2003 đã giảm so với năm 2012 nhưng quy mô nợ xấu vẫn còn ở mức rất cao. Năm 2014, số liệu chưa có một cách đầy đủ nhưng dự báo tỷ lệ nợ xấu chưa giảm, tuy nhiên, mức tăng hay giảm đã có sự khác biệt giữa các ngân hàng thương mại (bảng 2).

Như vậy, nợ xấu xuất hiện ở tất cả các ngân hàng thương mại không phân biệt quy mô hoạt động lớn hay nhỏ, có áp dụng chặt chẽ quản trị tín dụng hay

không. Nợ xấu xuất hiện ở mỗi ngân hàng thương mại khác nhau là khác nhau, tuy nhiên, một cách chung nhất, nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam xuất phát từ cả nguyên nhân cơ bản do cả yếu tố chủ quan và khách quan:

Thứ nhất, nợ xấu xuất phát từ những khoản cho vay theo "mệnh lệnh" của Chính phủ và chỉ định ngân, cho vay các doanh nghiệp dự án/doanh nghiệp của các thành viên hội đồng quản trị/lãnh đạo các ngân hàng thương mại hoặc cho vay theo chủ nghĩa thân quen, cho vay danh nghĩa bất động sản/chứng khoán, hoặc trá hình dưới hình thức cho vay sản xuất - tiêu dùng.

Thứ hai, nợ xấu của ngân hàng thương mại liên quan bởi tình trạng sử dụng sai lệch về cơ cấu kỳ hạn. Điều này có thể thấy rõ khi nguồn huy động tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn ngắn hạn vẫn chiếm khoảng 75% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng trong khi đó lại được nhiều ngân hàng thương mại sử dụng cho vay với các món vay trung và dài hạn. Điều này gây rủi ro lớn khi mà có nhiều khoản vay hiệu quả thấp, chất lượng thẩm định không cao.

Thứ ba, tình trạng tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại tập trung vào các lĩnh vực gây rủi ro cũng tạo nguy cơ tiềm ẩn cho nợ xấu.

Số liệu của Ngân hàng Nhà nước cho thấy tỷ trọng phân bổ các khoản vay cho các lĩnh vực có xu hướng tăng qua các năm và tập trung nhiều cho lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại trong những năm gần đây. Những lĩnh vực này đều ẩn chứa rủi ro trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng không bền vững. Thực tiễn cho thấy, tăng trưởng tín dụng trong quý I/2014 vẫn tập trung chủ yếu đối với lĩnh vực tiêu dùng và các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Các ngân hàng thương mại không chỉ đổ xô cho khách hàng cá nhân mua bất động sản mà còn dành riêng một số gói tín dụng cho doanh nghiệp bất động sản như trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần Xây dựng công bố gói tín dụng 50.000 tỷ VND (Thái Phương, 2014) theo mô hình

Bảng 2: Nợ xấu của một số ngân hàng thương mại Việt Nam

Đơn vị: tỷ VND, %

Ngân hàng	Năm 2012				Năm 2013				T6/2014*		
	Nợ có khả năng mất vốn	Nợ xấu	Tổng dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Nợ có khả năng mất vốn	Nợ xấu	Tổng dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tổng dư nợ	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tỷ lệ nợ xấu (%)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.029	8.839	391.035	2,35	2.479	9.179	339.924	2,70			< 2,00
Ngân hàng Công thương Việt Nam	2.249	3.770	376.289	1,00	2.106	4.890	333.356	1,47			2,03
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	2.792	7.475	274.314	2,73	1.451	5.791	241.163	2,40			3,06
Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội	3.753	4.332	76.363	4,91	2.067	4.846	56.940	8,51			3,00
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam	989	2.566	70.275	3,65	884	1.840	68.261	2,70			NA
Ngân hàng Á Châu	2.123	3.243	107.190	3,03	1.150	2.571	102.815	2,50			3,60
Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	1.018	1.610	110.566	1,46	897	1.973	96.334	2,05			1,86
Ngân hàng Quân Đội	819	2.146	87.743	2,45	640	1.372	74.479	1,84			NA
Ngân hàng Phương Nam	999	1.651	43.539	3,79	797	1.318	43.634	3,02			>3,00
Ngân hàng Đông Á (Đông Á Bank)	656	2.118	53.049	4,00	658	2.000	50.650	3,95			4,00
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.074	1.652	83.354	1,98	793	988	74.922	1,32			NA
Ngân hàng Xăng Dầu Petrolimex	244	413	13.867	2,98	191	1.163	13.787	8,44			4,08
Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	405	1.474	52.474	2,81	192	1.003	36.903	2,72			NA
Ngân hàng Sài Gòn Công thương	209	239	10.670	2,24	232	318	10.861	2,93			NA
Tổng	21.359	41.528	1.750.728	2,37	14.537	39.252	1.544.029	2,54			

Bảng 3: Tín dụng theo ngành nghề (Đơn vị: tỷ VND)

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	Tháng 4/2014
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	255.200	297.862	366.21	380.807
2	Công nghiệp và xây dựng	1.128.100	1.192.709	1.313.251	1.340.824
	- Công nghiệp	867.100	904.928	969.039	992.946
	- Xây dựng	261.000	287.781	344.212	347.877
3	Hoạt động Thương mại, Vận tải và Viễn thông	791.700	736.197	798.833	794.740
	- Thương mại	629.300	603.882	672.040	671.012
	- Vận tải và Viễn thông	162.400	132.315	126.793	123.728
4	Các hoạt động dịch vụ khác	722.100	864.136	999.780	1.011.376
	TỔNG CỘNG	2.900.000	3.090.904	3.477.985	3.527.747

Nguồn: Website của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - www.sbv.org.vn

liên kết bốn nhà. Mặc dù, so với các kênh cho vay khác là ít rủi ro hơn vì nếu có rủi ro ngân hàng thương mại vẫn còn tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Tuy nhiên, hệ lụy nợ xấu vẫn xảy ra khi thu nhập thực tế của người lao động chưa được cải thiện, dòng tiền thực hiện thanh toán các khoản vay bất động sản còn hạn chế và sự “é ẩm” các biệt thự, căn hộ chung cư trong tương lai chưa có phương thức giải quyết hữu hiệu.

Thứ tư, nợ xấu vẫn không được xử lý triệt để còn do chính các phương pháp xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại. Việc trích lập và sử dụng dự phòng của ngân hàng thương mại vẫn chưa được thực hiện theo thông lệ quốc tế. Vấn đề đưa nợ xấu ra theo dõi ngoại bảng chỉ là kỹ thuật giảm nợ xấu của ngân hàng thương mại trong nội bảng, vì nợ xấu vẫn chưa được xử lý thực sự. Các ngân hàng thương mại chủ yếu vẫn sử dụng phương thức xử lý như bán tài sản bảo đảm, khởi kiện khách hàng,... tuy nhiên đều gặp rất nhiều khó khăn do những vướng mắc giữa các quy định hiện hành và cơ chế thi hành án. Với các khoản nợ bán cho VAMC (Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam), về bản chất ngân hàng thương mại vẫn phải cùng thực hiện xử lý với VAMC. Sự hợp tác giữa VAMC và DATC (Công ty mua bán nợ) vẫn còn chưa rõ ràng, cụ thể.

Thứ năm, cách phân loại nợ hiện nay theo Quyết định số 780/QĐ-Ngân hàng Nhà nước cho phép các ngân hàng thương mại tăng tiếp cận tín dụng cho các doanh nghiệp, nhưng lại tạo cơ hội cho các ngân hàng thương mại che giấu các khoản nợ xấu do nợ

được gia hạn vẫn không bị xếp vào nhóm nợ xấu. Do đó, nguy cơ gia tăng nợ xấu trong tương lai vẫn sẽ tiềm ẩn.

Thứ sáu, sự phức tạp trong sở hữu chéo của ngân hàng thương mại cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ nợ xấu. Theo báo cáo Kinh tế vĩ mô năm 2012 của Ủy ban Kinh tế Quốc hội công bố, sở hữu chéo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ngày càng diễn biến phức tạp, có thể quy tụ theo hai nhóm lớn là giữa các ngân hàng thương mại với nhau và sở hữu chéo giữa các tập đoàn, doanh nghiệp với các ngân hàng thương mại. Cũng theo nhận định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, sở hữu chéo trong các ngân hàng thương mại ở nước ta “đang có xu hướng diễn biến phức tạp và tiềm ẩn rủi ro”. Các mối quan hệ sở hữu chéo càng phức tạp bao nhiêu thì hiểm họa rủi ro hệ thống càng tăng lên bấy nhiêu, đặc biệt khi chúng bị cộng hưởng bởi các khoản đầu tư chéo đều thua lỗ và thị trường trầm lắng ngoài dự đoán ban đầu. Sở hữu chéo khiến cho ngân hàng thương mại không chỉ khiến khoản nợ xấu sẽ ngày một phình to thậm chí còn gây khó khăn khi xác định chủ sở hữu đích thực.

Thứ bảy, nợ xấu cũng có nguyên nhân sâu xa từ đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng và khách hàng. Vì nhiều lý do khác nhau, cán bộ tín dụng đã cấu kết với khách hàng để “tô hồng” dự án vay vốn, che giấu sự thật, gian lận, cố ý làm trái quy định của ngân hàng thương mại, của Ngân hàng Nhà nước. Việc giám sát thiếu chặt chẽ của ngân hàng thương mại khiến cho khách hàng ngay cả trong điều kiện

sản xuất kinh doanh có lãi, có khả năng trả nợ nhưng cố tình chây ỳ, chiếm dụng vốn. Do vậy, ngay cả không được công bố chính thức, một phần trong số nợ xấu đó, một tỷ lệ không nhỏ nảy sinh từ vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

3. Định hướng giải pháp nhằm giải quyết triệt để nợ xấu hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Trên cơ sở những phân tích nêu trên, rõ ràng với biện pháp xử lý nợ xấu hiện nay, thực chất hoạt động xử lý nợ xấu mới chỉ xử lý được “ngọn” của vấn đề nợ xấu. Levon (2010) đã chỉ ra sự tồn tại của nợ xấu trong mối quan hệ với sự chậm trễ trong vấn đề quản lý và hỗ trợ của Chính phủ, sẽ dẫn đến những suy giảm trong nhiều hoạt động kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng. Chính vì vậy với chủ trương, định hướng của Nhà nước trong việc xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, để giải quyết một cách triệt để hơn nữa vấn đề nợ xấu, đòi hỏi không chỉ sự nỗ lực của bản thân ngân hàng thương mại mà rất cần sự chung tay, phối hợp chặt chẽ giữa ngân hàng thương mại – doanh nghiệp - Ngân hàng Nhà nước - Nhà nước trong thời gian tới, cụ thể:

3.1. Ngân hàng thương mại

Nợ xấu xuất phát trước tiên phải từ chính ngân hàng thương mại. Nợ xấu được giải quyết triệt để trước hết phải do chính sự quyết tâm của ngân hàng thương mại. Các yêu cầu được đặt ra đối với ngân hàng thương mại, cụ thể là:

(i) Kiên quyết “gạt” những món vay theo “mệnh lệnh” của Chính phủ và chỉ định ngầm, cho vay các doanh nghiệp dự án/doanh nghiệp của các thành viên hội đồng quản trị/lãnh đạo các ngân hàng thương mại hoặc cho vay theo chủ nghĩa thân quen, cho vay bất động sản/chứng khoán danh nghĩa, hoặc trá hình dưới hình thức cho vay sản xuất – tiêu dùng. Bởi lẽ điều này chắc chắn tạo ra sự xung đột về lợi ích khi mà chỉ một nhóm đối tượng được hưởng lợi còn áp lực nợ xấu đè nặng lên ngân hàng thương mại.

(ii) Có chính sách thắt chặt khi thực hiện cho vay đối với những nhóm ngành nghề kinh doanh có nhiều rủi ro.

(iii) Chấm dứt tình trạng cơ cấu lại nợ theo hướng gia hạn nợ, giãn nợ hoặc đảo nợ bởi lẽ đây là cách làm không những không có tác dụng đối với xử lý nợ xấu mà còn tạo hiệu ứng tiêu cực. Các doanh nghiệp sẽ không tích cực để hoàn trả nợ đúng hạn, trái lại sẽ “tham khảo” nhau để được gia hạn nợ, giãn nợ và hy vọng ở những điều chỉnh có lợi khác từ phía Nhà nước và ngân hàng thương mại.

(iv) Việc chủ động xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại nhất thiết phải “đưa ra ngoại bảng”, xóa nợ cần được thực hiện từ nguồn trích lập dự phòng

rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và bằng vốn chủ sở hữu của các ngân hàng thương mại. Chỉ có như vậy, các ngân hàng thương mại mới thực sự có trách nhiệm đối với việc phán quyết cho vay và giải ngân, đồng thời khách hàng vay vốn cũng không còn cơ hội để “học tập” kinh nghiệm xấu của nhau gây ra tình trạng lây lan nợ xấu. Cần xác định nợ xấu, đầu có những lý do khách quan song trước hết là sản phẩm của các ngân hàng thương mại, các ngân hàng thương mại cần phải chịu trách nhiệm trước tiên và cao nhất đối với nợ xấu bằng vốn và thu nhập của chính mình và chỉ có như vậy nợ xấu mới có thể hạn chế phát sinh và năng chặn tái phát sinh nợ xấu từ những món vay mới.

(v) Áp dụng các chuẩn mực an toàn theo chuẩn mực quốc tế và Ủy ban Basel trong việc bảo đảm duy trì tỷ lệ nợ quá hạn dưới 3%.

(vi) Tích cực phòng ngừa để hạn chế tối đa nợ quá hạn để dẫn đến tình trạng nợ xấu. Các ngân hàng thương mại chủ động hơn nữa trong việc tạo mối quan hệ thân quen với khách hàng nhằm hỗ trợ thông tin trong việc ngăn chặn việc sử dụng vốn sai mục đích gây rủi ro đối với những món vay đã giải ngân và những món vay của khách hàng mới.

(vii) Tạo cơ hội cho các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước được tiếp cận và được tiếp tục vay vốn của các ngân hàng thương mại ngay cả trong điều kiện nợ cũ chưa trả. Tuy nhiên, cần có sự đánh giá nghiêm túc, tránh tình trạng bị “lợi dụng” để nợ xấu dây dưa. Đồng thời có kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật, thông tin thị trường, khách hàng nhằm đảm bảo tốt hơn hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(viii) Phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động tín dụng theo hướng chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp. So sánh về trình độ học vấn (tỷ lệ cử nhân đại học, thạc sỹ, tiến sỹ/tổng số nguồn nhân lực) thì nguồn nhân lực của các ngân hàng thương mại Việt Nam có thể cao hơn bất kỳ ngân hàng thương mại nào trên thế giới, song nếu so sánh về năng suất lao động, tính chuyên nghiệp, ý thức tuân thủ, đạo đức nghề nghiệp,... thì các ngân hàng thương mại Việt Nam còn phải cố gắng rất nhiều. Chính vì vậy, các ngân hàng thương mại cần xem xét một cách nghiêm túc về tiêu chuẩn cán bộ tín dụng trong công tác tuyển dụng và đào tạo, trong đó, ưu tiên đào tạo kỹ năng mềm để tăng cường tính chuyên nghiệp, năng lực tuân thủ, ý thức nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp là điều hết sức quan trọng.

3.2. Doanh nghiệp

Ngoài trách nhiệm của các ngân hàng thương mại, nợ xấu xảy ra còn là trách nhiệm của các doanh nghiệp vay vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước đã không sử dụng có hiệu quả. Các doanh nghiệp, chú trọng đối với nhóm doanh nghiệp nhà

nước cần chủ động đổi mới – đổi mới có chiều sâu, nâng cao hiệu quả hoạt động. Sự phối hợp chặt chẽ từ phía doanh nghiệp tạo nền tảng vững chắc giải quyết những khó khăn trong mối quan hệ Nhà nước - ngân hàng thương mại - doanh nghiệp trong việc xử lý nợ xấu.

3.3. Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Sự ra đời của VAMC đã tháo gỡ một phần khó khăn trong việc xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Trong thời gian tới, cần tăng cường và hoàn thiện hoạt động của VAMC theo hướng tích cực, chủ động và hiệu quả. Nợ xấu cần được chứng khoán hóa để được mua bán một cách rộng rãi, hơn là chỉ phát hành ra trái phiếu đặc biệt, không có lãi và vay tái chiết khấu tại Ngân hàng Nhà nước. Việc giải quyết nợ xấu thông qua chứng khoán hóa hiện chưa được triển khai ở Việt Nam nhưng có thể học tập kinh nghiệm ở nhiều quốc gia, đặc biệt là kinh nghiệm của Mỹ, Nhật Bản. Để đảm bảo tính khả thi, chúng ta áp dụng thí điểm, nếu tốt sẽ áp dụng rộng rãi. Ngoài ra, với việc chứng khoán hóa nợ xấu mới thì VAMC mới có phương án định giá theo giá thị trường và bán cho nhà đầu tư mới, đặc biệt là thu hút và tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia xử lý nợ xấu.

3.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Là cơ quan quản lý hoạt động hệ thống ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tích cực và chủ động hơn nữa trong việc giám sát hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại theo các nguyên tắc và chuẩn mực nhất định nhằm đảm bảo sự an toàn, hiệu quả thay vì quản lý theo mệnh lệnh hành chính. Điều này là hết sức cần thiết bởi lẽ, thứ nhất, nợ xấu và nguyên nhân của nợ xấu có một phần nguyên nhân là sự chỉ đạo, định hướng tín dụng cũng như hoạch định các mục tiêu kinh tế - xã hội; thứ hai, cơ chế giám sát và điều hành chưa đầy đủ và hiệu quả dẫn đến những yếu kém của hệ thống.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cần phải tăng cường hiệu quả giám sát và quản lý theo phương thức mới và thực hiện thông qua hệ thống pháp luật về hoạt động ngân hàng và các công cụ kinh tế mang tính chất gián tiếp. Các văn bản pháp luật cần phải được rà soát và hoàn thiện để loại bỏ sự mâu thuẫn, chồng chéo và những khe hở pháp lý để tăng cường hiệu lực pháp luật cũng như sự tuân thủ của các ngân hàng thương mại. Các quy chuẩn quy định về an toàn, hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cần được xây dựng trên cơ sở khoa học và thực tiễn, cụ thể là căn cứ vào chuẩn mực quốc tế vừa khả năng áp dụng vào Việt Nam. Trước khi ban hành và chỉ đạo áp dụng cần tiến hành điều tra, khảo sát và lấy thông tin số liệu để khẳng định tính khoa học và sự phù hợp với điều

kiện cụ thể của Việt Nam.

3.5. Nhà nước

Các nội dung nêu ra thực sự giải quyết thành công đòi hỏi có sự nhất quán trong chủ trương, chính sách của Nhà nước, đặc biệt trong việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, coi trọng hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển cũng như tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng và minh bạch.

Để xử lý dứt điểm tình trạng nợ xấu phải có sự vào cuộc một cách quyết liệt hơn nữa của các cơ quan lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước cũng như sự hợp tác của các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp theo hướng tháo gỡ khó khăn để nhanh chóng ổn định và phát triển nền kinh tế.

Muốn vậy, Chính phủ cần chủ động tổ chức những chương trình tiếp xúc, thảo luận một cách cởi mở, nghiêm túc giữa ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước để thống nhất quan điểm, các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý đưa ra cam kết cụ thể và lộ trình thực hiện các cam kết để giải quyết nợ xấu.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ để đảm bảo cho khả năng tiếp cận vay vốn của các doanh nghiệp cũng như khả năng giải ngân của các ngân hàng thương mại, sao cho tín dụng luôn được “khai thông”. Nhà nước ấn định tỷ lệ chuyển đổi nợ thành vốn góp, thành cổ phần của các doanh nghiệp vay và khuyến khích các ngân hàng thương mại thực hiện chuyển đổi nợ. Khi đó, các ngân hàng thương mại chuyển từ chủ nợ sang thành cổ đông của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sẽ giảm được áp lực thanh toán nợ, giảm được chi phí lãi vay, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được cải thiện đáng kể.

4. Kết luận

Xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam là một vấn đề khó khăn trong thực hiện. Trong thời gian tới, không thể xử lý tận gốc nợ xấu khi các ngân hàng thương mại Việt Nam không chấp nhận nhìn ra vấn đề của chính mình. Bên cạnh đó, giải quyết nợ xấu có triệt để không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực của mỗi ngân hàng thương mại mà yêu cầu sự thống nhất quan điểm và phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước - Ngân hàng Nhà nước - ngân hàng thương mại - doanh nghiệp trong các nội dung phải xử lý. Và để đảm bảo thực hiện thành công xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, một yêu cầu tất yếu là việc hoàn thiện các quy định pháp luật mang tính đồng bộ. Có như vậy, việc xử lý nợ xấu mới triệt để, góp phần tạo sự phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

- Bonin, John P. và Huang, Yiping (2001), 'Dealing with the Bad Loans of the Chinese Banks', *Journal of Asian Economics*, tập 12, số 2, trang 197 đến 214.
- BBC Việt Ngữ (2013), 'Nợ xấu ngân hàng VN "tiếp tục tăng"', truy cập lần cuối thứ 3 ngày 12 tháng 8 năm 2014, từ http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2013/11/131115_bad_debt_increase_vietnam_bank
- Hội đồng bộ trưởng (1988), Nghị định số 53/HĐBT, về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ban hành ngày 26 tháng 3 năm 1988.
- Levon, Barseghyan (2010), 'Non-performing Loans, Propective Bailouts, and Japan's Slowdown', *Journal of Monetary Economics*, tập 57, số 7, trang 873 đến 890.
- Messai, Ahlem Selma và Jouini, Fathi (2013), 'Micro and Macro Determinants of Non-performing Loans', *International Journal of Economics and Financial Issues*, tập 3, số 4, trang 852 đến 860.
- Ngân hàng nhà nước (2012), Quyết định số 780/QĐ-Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, ban hành ngày 23 tháng 04 năm 2012.
- Schularick, Moritz và Taylor, Alan M. (2009), 'Credit booms gone bust: Monetary Policy, Leverage Cycles and Financial Crises 1870-2008', *the national bureau of economic research working paper no. 15512*, truy cập ngày 14 tháng 8 năm 2014, <<http://www.nber.org/papers/w15512>>
- Thái Phương (2014), 'Đồ xô cho vay bất động sản', truy cập lần cuối thứ 5 ngày 14 tháng 8 năm 2014, từ <http://nld.com.vn/kinh-te/do-xo-cho-vay-bat-dong-san-20140625215528841.htm>
- Thủ tướng chính phủ (2013), quyết định số 843/QĐ-TTg phê duyệt đề án "xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng" và đề án "thành lập công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam", ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2013.
- Thủ tướng chính phủ (2012), quyết định số 254/QĐ-TTg phê duyệt đề án "cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015", ban hành ngày 01 tháng 03 năm 2012.
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (2014), Báo cáo tổng quan thị trường tài chính 2013, truy cập ngày 14/8/2014, từ <http://npsc.gov.vn/bao-cao-giam-sat/bao-cao-tong-quan-thi-truong-tai-chinh-2013>.
- Việt Thắng (2012), 'Sự thật nợ BĐS: Rùng mình những con số', truy cập lần cuối thứ 3 ngày 12 tháng 8 năm 2014, từ <http://vef.vn/2012-07-04-su-that-no-bds-rung-minh-nhung-con-so>.

Non-performing loans of Vietnam commercial bank system: The current situation and Recommendations

Abstract:

Non-performing loans are serious problems threatening the sustainable growth of every country in the world. Now, in Vietnam, the rate of non-performing loans of the banking system is likely to be persistently high despite of the significant effort of the authorities in banking system, i.e. the State Bank of Vietnam, Vietnam Asset Management Company (VAMC) and commercial banks. The number is reported at 3.79% at the end of 2013 and 4.03% in early six months of 2014. Therefore, it is crucial to find the thorough solutions to the non-performing loan problems. In this paper, two issues are covered: analyzing the current status of Vietnam commercial banks' non-performing loans and providing recommendations for improving the situation.

Thông tin tác giả:

* **Đoàn Phương Thảo**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh nghiên vực cứu chính: Ngân hàng – Tài chính
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: doanphuongthao.neu@gmail.com

** **Tạ Nhật Linh**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh nghiên vực cứu chính: Ngân hàng – Tài chính
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: tanhatlinh@gmail.com